**CHỦ ĐỀ**

**NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU VÀ NGÀY 8/3**

**Thực hiện trong 5 tuần: Từ ngày 10/ 2 đến 14/ 3/ 2025**

**Giáo viên thực hiện: Ngô Thị Hoài**

**Lớp: Nhỡ E**

**Tuần 1. Con vật sống trong gia đình ( Từ 10/2-14/2/2025)**

**Tuần 2: Những con vật sống dưới nước (Từ 1/2 - 21/2/2025)**

**Tuần 3: Động vật sống trong rừng ( Từ 24/2-28/2/2025)**

**Tuần 4: Ngày vui 8/3 ( Từ 03/3 - 7/3/2025)**

**Tuần 5:Động vật có cánh ( Từ 10/3 - 14/3/2025)**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU**

**VÀ NGÀY 8/3**

(Thêi gian thùc hiÖn 5 tuÇn.

Từ ngày 10/2/2025 – 14/3/2025)

***Người thực hiện: Ngô Thị Hoài – Lớp nhỡ E***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu giáo dục** | | **Nội dung giáo dục** | | | **Hoạt động giáo dục** | |
| **I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | | | | | |
| **a) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe** | | | | | | |
| 8. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng .  Cân nặng:  Trẻ trai:  + Cân nặng từ 14.4 - 23.5kg  + Chiều cao từ 100.7 - 119.1 cm  Trẻ gái:  + Cân nặng từ 13.8 - 23.2 kg + Chiều cao từ 99.5 - 117.2 cm | | - Giáo dục trẻ ăn hết suất, ăn thêm rau, củ, quả.  - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.  - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…).  KNS: Biết chọn các món ăn theo sở thích và tốt cho sức khỏe ( hoạt động ăn buffet, ăn hằng ngày) | | \* Hoạt động ă ngủ:  Cô giáo dục trẻ ăn hết suấtvà ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, ăn thêm rau và hoa quả  Giáo dục trẻ ngủ đủ giấc .  Cân đo theo dõi trẻ suy dinh dưỡng | | |
| 12. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: | | - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, dày khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt…  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định .  - Bỏ rác đúng nơi qui định  KNS: Trẻ biết vệ sinh răng miệng đúng cách, biết mặc và cởi quần áo, đi dày dép, biết nhặt rác, và bỏ rác đúng nơi quy định. | | **\*Hoạt động mọi lúc mọi nơi.**  - Cô giáo dục trẻ biết vệ sinh răng miệng vào buổi sáng khi ngủ dậy và tối trước khi đi ngủ  đi tất khi trời lạnh, đi dép, dày khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt…  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định .  - Bỏ rác đúng nơi qui định  **\* Hoạt động chiều:**  KNS: rèn kỹ năng bỏ rác đúng nơi quy định | | |
| 1. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh | | - Chú ý và tập theo cô các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp. (Theo các chủ đề trong năm học) | | **- Hoạt động thể dục sáng:**  Trẻtập các động tác thể dục sáng phối hợp theo nhạc bài hát ( Con cào cào)  **- Hoạt động chơi:**  Hoạt động ngoài trời: Cho trẻ chơi các trò chơi theo kế hoạch: Mèo bắt chuột, Mèo và chim sẻ, Bắt vịt trên cạn | | |
| . 2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động; Kiểm soát được vận động: | | - Giữ thăng bằng cơ thể và kiểm soát được vận động:  + Đi trên ghế thể dục  + Bật qua vật cản  + Bật tách, khép chân qua 5 ô | | **\* Hoạt động học:**  **Thực hiện bài vận động cơ bản.**  + Đi trên ghế thể dục  **+** Bật qua vật cản  + Bật tách, khép chân qua 5 ô  **\* Hoạt động chơi:**  **- Trò chơi vận động:**  + Đuổi bóng .  + kéo co  + Đánh bóng vào gôn  - Hoạt động ngoài trời: Cho trẻ chơi các trò chơi theo kế hoạch: Về đúng nhà, ai nhanh hơn , mèo đuổi chuột, kéo co… | | |
| 3. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động. | | Thực hiện đúng kỹ thuật bài vận động: Ném xa bằng 2 tay | | **Hoạt động học:**  Thực hiện đúng kỹ thuật bài vận động: ném xa bằng 2 tay  TCVĐ: cáo và thỏ | | |
| 4. Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp | | Phát triển tố chất nhanh, mạnh, khéo của trẻ khi thực hiện bài tập tổng hợp:  + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m | | **\*Hoạt động học:**  Thực hiện đúng kỹ thuật bài vận động  + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m | | |
| **II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.** | | | | | | |
| **a.Khám phá khoa học** | | | | | | |
| . 21. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu | | - Đặc điểm bên ngoài của con vật, ích lợi và tác hại đối với con người.  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật  - Phân loại con vật theo 1 – 2 dấu hiệu.  - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật.  . | | | **- Hoat động học:**  + Chú chó đáng yêu  + Cùng tìm hiểu về con voi nào.  + Con cá vàng .  + Tìm hiểu về con bướm  - Hoạt động chơi ở hóc:  + Trò chơi bán con giống  + Trò chơi : Bé tập làm đầu bếp  **+** Trò chơi phân loại ở góc khoa học và toán; góc tạo hình: Cắt dán, tô màu. | |
| 22. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: Cho thêm đường vào nước nên nước ngọt hơn. Cho thêm muối vào nước nên nước mặn hơn”. | | Cách pha nước đường chanh, nước giải khát | | | \* Hoạt động ngoài trời:  Trải nghiệm pha nước chanh đường | |
| **b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** | | | | | | |
| 44. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,....).  Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. | | \* LQVT: - Phân biệt hình tam giác với hình vuông  - Phân biệt sự giống và khác nhau giữa hình vuông và hình chữ nhật  - Nhận biết phân biệt hình tròn với hình vuông, hình tam giác với hình chữ nhật  - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành hình con vật | | | - Hoạt động học có chủ định:  “Phân biệt hình tam giác với hình vuông”  “Phân biệt sự giống và khác nhau giữa hình vuông và hình chữ nhật”  “Nhận biết phân biệt hình tròn với hình vuông, hình tam giác với hình chữ nhật’  “Chắp ghép các hình hình học để tạo thành hình con vật”  - Hoạt động góc: Góc nghệ thuật “Vẽ, gấp, cắt dán các hình hình học”; góc học tập: “chơi ghép hình thành hình con vật”  - Hoạt động ngoài trời: “ vẽ phấn, xếp hột hạt, que thành các hình hình học”... | |
| 27. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 | |
| 28. Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau. Nhiều hơn. ít hơn . | |
| 33. Trẻ sử dụng các số từ 1 – 5 để chỉ số lượng và số thứ tự. | | - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..). | | | - Hoat động chơi:  + Hoạt động góc: Chơi ở góc đóng vai (Chơi bán con giống và thức ăn gia súc gia cầm ), chơi ở góc khoa học và toán | |
| **Khám phá xã hội** | | | | | | |
| 46. Trẻ kể được tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội . | | Các ngày lễ hội: Ngày 8/3 | | | \* Hoạt động học:  KPXH: Ngày hội 8/3 | |
| **III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ.** | | | | | | |
| 53 dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ..  - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi; Kể lại truyện đã được nghe. | | - Thơ: Em vẽ (Hoàng Thanh Hà);  Rong và cá  - Truyện :Cáo thỏ, gà trống (Thu Thuỷ); | \* Hoạt động học:  - Thơ: Chim chích bông  - Rong và cá  - Thơ: Cô và mẹ  Truyện: Cáo thỏ, gà trống (Thu Thuỷ); | | | |
| 55. Trẻ biết sử dụng các từ như: “Mời cô” “ Mời bạn” “Cám ơn” “Xin lỗi” trong giao tiếp . | | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.  - Nói và biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.  KNS: Sử dụng lời nói trong giao tiếp | **Cô giáo dục trẻ** Nói và biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.  KNS: Sử dụng lời nói trong giao tiếp | | | |
| 56**.** Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở . | |
| 57. Trẻ biết chọn sách để xem. | | **-** Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.  - Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách.  - “ Đọc” chuyện qua sách/ tranh vẽ.  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:  - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.  - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.  - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. Giữ gìn, bảo vệ sách  KNS: Thực hành kỹ năng sử dụng sách | **Hoạt động góc :** Trẻ chơi ở góc sách, góc bán hàng  **Hoạt động chiều** : Trẻ chơi theo ý thích ở góc lớp, ở góc thư viện di động ngoài sân trường | | | |
| 58. Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh . | |
| 69. Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích | | **-** Tự chọn đồ chơi và chơi theo ý của mình. | - Hoạt động góc:  **- Góc đóng vai**: Nấu ăn, cửa hàng bán thức ăn gia súc gia cầm, bán các loại con giống, bác sỹ thú y.  **- Góc xây dựng- lắp ghép:**  Xây trại chăn nuôi, vườn bách thú, ao cá, lắp ghép chuồng trại, đường đi, lắp ghép đồ chơi theo ý thích  **- Góc khoa học và toán:** Nhận biết tạo nhóm con vật có 2 chân, 4 chân, so sánh nhiều hơn, tìm thức ăn và môi trường sống cho con vật, xếp tương ứng, vòng quay kỳ diệu  **- Góc âm nhạc – tạo hình** : Tô màu, nặn, vẽ tranh ảnh về con vật. Hát múa theo chủ đề con vật  - **Góc sách truyện:** Xem tranh ảnh, đọc thơ, kể chuyện sáng tạo theo chủ đề con vật  - **Góc thiên nhiên :** Chơi với cát, xếp sỏi đá làm chuồng các con vật nuôi, gieo hạt. | | | |
| 70. Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi ) . | | - Vui vẻ và nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối.  - Nhanh chóng triển khai công việc.  - Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. | - Hoạt động chơi:  + Hoạt động góc: Trẻ chơi xong xếp đồ chơi gọn gàng ngăn nắp, đúng nơi quy định  + Hoạt động ăn trưa: Trẻ lấy khăn trải bàn, lấy giỏ hoa, ống giấy lau, giỏ đựng giấy, xếp đĩa, xếp thìa….  + Hoạt động ngủ: Trẻ ngủ dậy gấp chiếu gọn gáng | | | |
| **V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TÌNH CẢM XÃ HỘI** | | | | | | |
| 76.Trẻ thích được chăm sóc cây con vật quen thuộc; Trẻ biết không bẻ cành bứt hoa. | Trẻ có các kỹ năng tốt:  - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.  - Giữ gìn vệ sinh môi trường chung.  - Có ý thức tiết kiệm điện, nước.  KNS: Nhặt rác và phân loại rác, chăm sóc cây cối | | | | | Cô giáo dục trẻ  - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.  - Giữ gìn vệ sinh môi trường chung.  - Có ý thức tiết kiệm điện, nước.  KNS: Nhặt rác và phân loại rác, chăm sóc cây cối |
| 77.Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định |
| **VI. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN KỸ THẨM MỸ** | | | | | | |
| 82. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ….. | | - Bộc lộ cảm xúc khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật qua: ( Bài thơ, câu chuyện, bài hát, tác phẩm tạo hình. | | | **- Hoạt động thể dục sáng:** Tập các động tác kết hợp với lời ca.  **- Hoạt động học:**  **+** DH:Vì sao conmèo rửa mặt  NH: Gà gáy le te TCÂN: Nghe nốt đô thỏ đổi chuồng  + Vận động minh họa bài cá vàng bơi:  NH: Tôm cá cua thi tài  TC: khiêu vũ.  + Dạy vđ: Cô và mẹ  NH: Mẹ cuả em  TC: Ai nhanh nhất  + DH: “Đố bạn”  NDKH: NH: Chị ong nâu và em bé  TCAN: Ai đoán giỏi  + Biểu diễn cuối chủ đề với các bài: Vì sao con mèo rửa mặt, Cá vàng bơi  NH: Gà gáy le te.  TC: khiêu vũ.  **Hoạt động chơi :**  Chơi ở góc âm nhạc  **Hoạt động chiều:**  - Vui liên hoan văn nghệ.  + Cho trẻ nghe hát dân ca, nghe các bài hát về chủ đề | |
| 83. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa | |
| 85. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | | - Sử dụng và phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.  - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét .  - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét . | | | **Hoạt động học:**  + Vẽ, tô màu con mèo ( ĐT)  + Vẽ tô màu con bướm.  + Xé dán đàn cá  + Làm quà tặng cô và mẹ  **- Hoạt động góc**  **+**Chơi ở góc tạo hình  **- Hoạt động chiều:**  +Hoàn thành vở tạo hình, Vở thủ công  + Chơi theo ý thích ở các góc.  . | |
| 86. Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong… và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. | |
| 87. Trẻ biết làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết . | |

**KẾ HOẠCH CHĂM SÓC VỆ SINH DINH DƯỠNG CHỦ ĐỀ**

**NHỮNG CON VẬT ĐÁNG YÊU VÀ NGÀY 8/3**

***Thực hiện trong 5 tuần: ( Từ ngày* 10/2-14/3/2025 *)***

***Giáo viên :Ngô Thị Nga-4E***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội Dung  C S N D | Mục đích yêu cầu | Tổ chức hoạt động | Kết quả |
| I    II | **Nuôi**  **Dưỡng**  **1.Ăn**  **uống**    **2. Tổ chức giấc ngủ**    **Vệ sinh**  **1.Vệ sinh cá nhân**    **VS môi trường** | ***1. Tổ chức bữa ăn***  \*Trẻ có thói quen biết tự  rửa tay, rửa mặt trước khi ăn đúng thao tác, biết tự đặt bàn ghế vào nơi quy định, ngồi vào bàn ngay ngắn,  Ăn xong biết tự rửa mặt đánh răng đúng thao tác  - Trẻ có thói quen  xúc thìa vừa phải nhai kỹ không làm đổ cơm ra ngoài nếu làm đổ biết nhặt bỏ vào đĩa khi tay bẩn biết lau tay vào khăn  - Trẻ ăn xong biết cùng cô sắp xếp bàn ghế gọn gàng  - Trẻ không nói chuyện trong khi ăn  ***3. Nước uống:***  - Trẻ thấy khát nước tự biết lấy nước để uống và úp cốc ngay ngắn,  ***\* Tổ chức cho trẻ ngủ***  - Trẻ có thói quen đi VS  - Trước khi đi ngủ, tự lấy gối, sạp, chăn  - Trẻ nằm ngủ thoải mái không chen nhau, không nói chuyện trong khi ngủ  - Khi trẻ ngủ:, không để trẻ mặc quá nhiều quần áo.  -  Cho phép trẻ đi VS khi trẻ có nhu cầu  - Trẻ dậy từ từ, trẻ nào thức trước dậy trước  - Trẻ có thói quen ngủ dậy biết cất sạp gọn gàng và  đặt bàn ăn quà phụ buổi chiều  - Trẻ vận động nhẹ nhàng và ăn quà chiều  **\* Vệ sinh cá nhân trẻ:**  **+ Vệ sinh tay mặt, răng miệng:**  - Trẻ có thói quen rửa tay mặt trước khi ăn  - Ăn xong biết đánh răng sạch sẽ  + Cô giáo chuẩn bị đầy đủ dụng cụ cho trẻ vệ sinh như: nước sạch, xà phòng, khăn sạch để lau tay, khăn để lau mặt, giấy vệ sinh...  - Hướng dẫn trẻ rửa tay và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. Với những trẻ mới đến lớp cô nên hướng dẫn tỉ mỉ từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ.  - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn, khi  mặt bị bẩn theo đúng quy trình. Mùa lạnh cần chuẩn bị khăn ấm cho trẻ lau.  - Hằng tuần khăn mặt của trẻ được trùng nước muối và nước sôi.  ***VS cá nhân cô***  -  Quần áo luôn gọn gàng, sạch sẽ. phải thường xuyên mặc quần, áo công tác trong quá trình chăm sóc trẻ. Không mặc quần áo công tác ra đường hoặc về nhà.  - Giữ gìn thân thể sạch sẽ, đầu tóc luôn gọn gàng, móng tay cắt ngắn.  - Đảm bảo đôi bàn tay phải sạch sẽ khi chăm sóc trẻ: Rửa tay bằng xà phòng sạch sẽ trước khi cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, sau khi đi vệ sinh, làm vệ sinh cho trẻ, quét rác hoặc lau nhà.  - Để đồ dùng cá nhân của trẻ phải để riêng biệt, không sử dụng đồ dùng cá nhân ***\* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:***- Một số đồ dùng của trẻ phục vụ cho công tác ăn uống tại nhóm lớp theo qui  định phải đảm bảo sạch sẽ, được lau, rửa thường xuyên, sau đó sẩy hoặc được phơi ngoài ánh nắng.  - Các đồ dùng, đồ chơi trong lớp thường xuyên được lau chùi, sắp đặt gọn gàng trên các giá, tủ...và phải đảm bảo an toàn cho trẻ.  - Đồ dùng vệ sinh: Xô, chậu, nước tẩy các loại phải được úp, cất cẩn thận và tránh xa tầm tay của trẻ đối với những chất có chứa chất độc hại.  ***\* Vệ sinh phòng nhóm:***  - Hằng ngày trước khi trẻ đến lớp, cô mở tất cả cửa sổ và cửa ra vào để phòng học được thông thoáng.  - Quét nhà thường xuyên khi phòng nhóm bẩn và sử dụng nước lau nhà để lau sau khi trẻ ăn xong, sau khi trẻ ra về.  - Phòng học, phòng kho thường xuyên sạch sẽ và khô ráo .  - Phòng vệ sinh thường xuyên được lau chùi sạch sẽ, khô ráo và không có mùi hôi khai.  ***\* Xử lý rác thải:***  - Rác thải của nhóm lớp được bỏ vào túi nilon và bỏ vào thùng rác của lớp. Cuối ngày giáo viên đưa về nơi tập kết rác thải của nhà trường để xử lý rác sạch sẽ. | - Trẻ rửa tay mặt trước khi ngồi vào bàn ăn,  - Ăn xong trẻ biết đánh răng rửa mặt đúng thao tác và thành thạo  - Trẻ ăn xúc thìa vừa phải không làm đổ cơm ra ngoài bàn biết nhặt cơm đổ vào đĩa  - Trẻ biết cất bàn ghế gọn gàng  - Không nói chuyện khi ăn  ***\*. Nước uống:***  - Cô chuẩn bị đủ nước cho trẻ  .     - Trẻ có thói quen đi VS  - Trước khi đi ngủ, tự lấy gối, sạp, chăn  - Trẻ nằm ngủ thoải mái không chen nhau, không nói chuyện trong khi ngủ  - Khi trẻ ngủ:, Cô cho trẻ cởi bớt quần áo dày  -  Cho phép trẻ đi VS khi trẻ có nhu cầu  - Trẻ dậy từ từ, trẻ nào thức trước dậy trước  - Trẻ có thói quen ngủ dậy biết cất sạp gọn gàng và  đặt bàn ăn quà phụ buổi chiều  - Trẻ vận động nhẹ nhàng và ăn quà chiều    Cô giáo chuẩn bị đầy đủ dụng cụ cho trẻ vệ sinh như: nước sạch, xà phòng, khăn sạch để lau tay, khăn để lau mặt, giấy vệ sinh...    - Hướng dẫn trẻ rửa tay và lau khô tay theo đúng trình tự, đảm bảo vệ sinh. Với những trẻ mới đến lớp cô nên hướng dẫn tỉ mỉ từng thao tác rửa tay và tập cho trẻ làm quen dần với việc tự phục vụ.  - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn, khi  mặt bị bẩn theo đúng qui trình. Mùa lạnh cần chuẩn bị khăn ấm cho trẻ lau.  - Hằng tuần khăn mặt của trẻ được trùng nước muối và nước sôi.  - cô giáo thường xuyên ăn mặc gọn móng tay cắt ngắn  Đầu tóc luôn gọn gàng    - Cuối tuần cô tổ chức cho trẻ vệ sinh đồ dùng đồ chơi sạch sẽ  - Sắp xếp đồ chơi gọn gàng  Xô chậu dùng xong cô úp xuống gọn gàng    - Cô thường xuyên lau chùi lớp học nhà vệ  sinh đảm bảo sạch khô ráo    Cô xử lý rác thải hàng ngày |  |
| III | **ND Chăm sóc sức khỏe,**  **- Sức khỏe**  **- Phòng bệnh** | - Trẻ được cân đo theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng  - Trẻ có một số thói quen tốt trong ăn uống phòng bệnh và giữ gìn vệ sinh môi trường  - Trẻ biết giữ ấm để phòng tránh bệnh về mùa đông,  - Trẻ biết bảo vệ và giữ gìn vệ sinh thân thể: Rèn luyện kỹ năng đánh răng , lau mặt, rửa tay bằng xà phòng  - Trẻ biết được ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh cơ thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người  - Biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật như: (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì) | - Cô cân đo trẻ  vào ngày 10/3/2023  - Khi ăn cơm ho hắt hơi phải che miệng và quay mặt ra phía sau  - Cô nhắc nhở phụ huynh mặc ấm cho trẻ và thường xuyên cho trẻ rửa tay  - Nhắc nhở trẻ về nhà tắm gội sạch sẽ , rèn kỹ năng đánh răng, rửa mặt, rửa tay bằng xà phòng đúng thao tác  - Tập cho trẻ một số thói quen tốt như không khạc nhổ ra lớp, không vứt rác bừa bãi mất vệ sinh gây bệnh tật, bỏ rác đúng nơi quy định  - Giáo dục trẻ không ăn quả xanh, không uống nước lã trước khi ăn phải rửa sạch thức ăn, ăn xong biết đánh răng |  |
| IV | **An toàn cho trẻ**  **- Thể lực**  **- Tính mạng** | - Luôn đảm bảo an toàn cả về tinh thần và thể xác cho trẻ và tai nạn  - Trẻ luôn có cảm giác an toàn khi ở trường  - Không để trẻ bị ngộ độc thực phẩm  - Trẻ biết tránh những vật dụng nguy hiểm đối với bản thân trẻ | - Cô luôn chú ý đến trẻ ở mọi lúc mọi nơi giờ chơi tự do cũng như các hoạt động để đảm bảo an toàn cho trẻ  - Không cho người lạ đón trẻ, không đánh đập quát mắng trẻ  - Không cho trẻ ăn những thức ăn ôi thiu và có mùi lạ  - Giáo dục trẻ không chơi vật sắc nhọn không bỏ hạt nhỏ vào mũi hoặc lỗ tai, không ngậm các loại hạt dễ gây hóc sặc |  |